

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh							
1	1.014260	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	30 ngày làm việc	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	1.014261	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	80 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia,	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số	Sở Nông nghiệp và

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Môi trường
3	1.014262	Cấp lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				- Qua dịch vụ bưu chính công ích.		(4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	
4	1.014263	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	30 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	1.014264	Điều chỉnh Giấy phép	- Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số	Sở Nông nghiệp và

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		thăm dò khoáng sản	thăm dò khoáng sản thay đổi tên gọi: 17 ngày làm việc. - Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản: 30 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Trường hợp một phần diện tích thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 15 ngày làm việc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có quyết định điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản.	công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.		54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Môi trường
6	1.014268	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	30 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ:	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.		(2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	
7	1.014271	Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	30 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
8	1.014273	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	1.014257	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	70 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Mức thu lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu,	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				- Qua dịch vụ bưu chính công ích.	nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản		
10	1.014265	Cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản	70 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; (5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
11	1.014266	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Mức thu lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
12	1.014267	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản	(1) Trường hợp quy định tại các điểm a; b; c; đ; h của khoản 1 Điều 64 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP: 40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục	Không quy định.	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			(2) Trường hợp quy định tại điểm d; g khoản 1 Điều 64 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP: 15 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ hợp lệ được tiếp nhận. (3) Trường hợp một phần diện tích khai thác bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày một phần diện tích khai thác bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.	vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.		(3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
13	1.014269	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản	40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định.	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
14	1.014270	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Mức thu lệ phí cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản khi chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TTBTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				- Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	(4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	
15	1.014272	Cấp đổi Giấy phép khai thác khoáng sản	- Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản; thời hạn giải quyết là 70 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; thời hạn giải quyết là 40 ngày làm việc. (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	* Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: Không quy định. * Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản thì mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).		Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	(6) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024; (7) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	
16	1.014274	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	65 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
						(5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	
17	1.014276	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	60 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày)	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
18	1.014277	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	30 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 10 ngày)	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ:	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.		(2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.	
19	1.014278	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	50 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 15 ngày)	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025;	Sở Nông nghiệp và Môi trường
20	1.014295	Quyết toán tiền cấp quyền	- Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số	Sở Nông nghiệp và

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		khai thác khoáng sản	nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ đối với trường hợp: (1) Quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần; (2) Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản; (3) Quyết toán khi đóng cửa mỏ, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực. - Trước ngày 31/12/2026 đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản lần đầu.	công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.		54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Môi trường
21	1.014279	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	30 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 10 ngày)	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ:	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	(2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	
22	1.014280	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	18 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày).	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				- Qua dịch vụ bưu chính công ích.	phép hoạt động khoáng sản	(4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.	
23	1.014281	Điều chỉnh Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	18 ngày làm việc (1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm; thời hạn giải quyết là 18 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày). (2) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh thay đổi tên tổ chức, cá nhân; thời hạn giải quyết là 09 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ				
24	1.014282	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	18 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày).	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
25	1.014283	Chấp thuận chuyển nhượng quyền	18 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia,	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số	Sở Nông nghiệp và

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		khai thác tận thu khoáng sản	quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày).	địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Môi trường
26	1.014256	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	47 ngày làm việc (không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ và thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện)	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
27	1.014285	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	(1) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày). (2) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 03 ngày).	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
28	1.014286	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	(1) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 25 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/	Mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày). (2) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 13 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 03 ngày).	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	(2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	
29	1.014287	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	(1) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 25 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ). (2) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 13 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ). (3) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh công suất khai thác trong nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (không tăng trữ lượng hoặc khối lượng đã cấp phép) đối với các mỏ khoáng sản đã có giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV còn			(5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			hiệu lực phục vụ các dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình, hạng mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công; thời hạn thẩm định là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).				
30	1.014288	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	27 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục	Không quy định.	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.		(3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	
31	1.014289	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	09 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvuco.ng.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
32	1.014290	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối	17 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ:	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		với khoáng sản nhóm IV	cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).	https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.		(2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	
33	1.014291	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
34	1.014292	Chấp thuận thăm dò tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản,	Thời gian thẩm định hồ sơ là 40 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ:	Không quy định.	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV		https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.		(2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	
35	1.014293	Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV	Thời gian thẩm định hồ sơ là 40 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;	Sở Nông nghiệp và Môi trường
B. Thủ tục hành chính cấp xã							
1	1.014258	Cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	47 ngày làm việc (không tính thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ:	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;	Ủy ban nhân dân cấp xã

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện).	https://dichvucong.gov.vn/ - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Qua dịch vụ bưu chính công ích.		(2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	
2	1.014259	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ đối với đối với các trường hợp: (1) Quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần; (2) Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản; (3) Quyết toán khi đóng cửa mỏ, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực.		Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Ủy ban nhân dân cấp xã

2. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ
1	1.005408	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.
2	1.004481	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.
3	2.001814	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.
4	1.004446	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024. (6) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ
				(7) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.
5	1.004434	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; (3) Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; (4) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; (5) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (6) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (7) Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 (8) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.
6	1.004433	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; (3) Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; (4) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; (5) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (6) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (7) Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 (8) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.
7	2.001787	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ
				(3) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (5) Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.
8	1.004367	Đóng cửa mỏ khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016;
9	2.001783	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.
10	2.001781	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.
11	1.004345	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ
12	1.004343	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.
13	2.001777	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.
14	1.004135	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.
15	1.004132	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ
		hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch		
16	1.004083	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.
17	1.000778	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; (4) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (5) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018; (7) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (8) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (9) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.
18	1.013321	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; (4) Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; (5) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (6) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; (7) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025; (8) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ
19	1.013322	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; (4) Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; (5) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (6) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; (7) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025; (8) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.
20	1.013323	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; (4) Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; (5) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (6) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; (7) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025.
21	1.013324	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; (4) Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; (5) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (6) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; (7) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025.
22	1.013326	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ
		khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản		(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; (4) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025.
23	1.013325	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; (4) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025.